

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 25 (Số đặc biệt 9)

Tháng 10/2025



ISSN 2354-0753



ISSN 2354-0753

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

Mục lục

Tập 25 (số đặc biệt 9) - 10/2025

Số đặc biệt dành cho Hội thảo khoa học Quốc gia: “PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TRONG GIÁO DỤC”

Nguyễn Linh Phong - Lê Đức Sơn - Nguyễn Thị Hà My: Tổng quan một số công trình nghiên cứu về giáo dục quốc phòng và an ninh trên các tạp chí khoa học tại Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2025 theo mô hình phân tích thư mục định lượng 1

Đặng Thị Kim Dung: Một số vấn đề về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông thích ứng với chuyển đổi số và đề xuất giải pháp 7

Nguyễn Thị Chúc - Nguyễn Thị Hoàng Yến: Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số: Một số vấn đề lý luận 13

Phạm Văn Nghĩa - Phạm Thị Quỳnh Anh - Nguyễn Thị Kim Oanh - Bùi Văn Hồng: Xây dựng chủ đề tích hợp trong môn Công nghệ ở trường trung học cơ sở 18

Võ Thị Ngọc Trâm: Mô hình “lớp học đảo ngược” tích hợp dạy học vi mô, dạy học tình huống và nghiên cứu bài học trên nền tảng số trong phát triển năng lực dạy học: Một nghiên cứu tại Trường Đại học Thủ Dầu Một 23

Lương Phúc Đức: Phân tích nhận thức và hành vi sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại Long An 29

Nguyễn Thị Kim Oanh - Bùi Văn Hồng: Dạy học chủ đề STEAM thiết kế trang phục từ cảm hứng thiên nhiên và vật liệu tái chế cho học sinh lớp 6 tại trường trung học cơ sở 35

Nguyễn Đăng Nhật: Dạy học bài “Thực hành: Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm” (Vật lý 10) với sự hỗ trợ của công nghệ thực tế ảo (VR) 43

Dương Văn Đoàn: Chuyển đổi số giáo dục đại học: Yêu cầu năng lực số và những thách thức đối với đội ngũ quản lý và giảng viên 49

Bùi Trọng Tài - Trịnh Thị Phương Dung: Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học: Tổng quan hệ thống về xu hướng ứng dụng và khoảng trống nghiên cứu 55

Nguyễn Chí Hiếu: Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên tại một số nước phát triển và kinh nghiệm cho Việt Nam 62

Trịnh Xuân Cương - Lê Hải Anh: Ảnh hưởng của mức độ sẵn sàng công nghệ đến ý định sử dụng thực tế ảo trong giảng dạy của giáo viên 70

Kiều Viết Thức - Đặng Lộc Thọ: Quản lý liên kết đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị 77

Đặng Út Phụng - Lê Thu Trang: Giáo dục tích hợp trong phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi: Một số vấn đề lý luận 84

Bùi Quang Trường - Trần Thị Mai Nhi - Trần Thị Bích Huyền: Thiết kế kịch bản trong hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 91

Phạm Thị Giao Liên - Nguyễn Thị Hiền: Tư duy hệ thống trong tiếp nhận văn học - một giải pháp cá nhân hóa trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học 96

Huỳnh Khánh Duy - Dương Hữu Tòng - Nguyễn Đức Khiêm: Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề “Hàm số và đồ thị” (Toán 10) với sự hỗ trợ của phần mềm DESMOS 102

Vũ Ngọc Hà - Phạm Hoài Bảo - Trương Tấn Phát - Trần Trung Ninh: Phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên cho học sinh thông qua bài tập hóa học chủ đề “Ester - lipid” (Hóa học 12) theo tiếp cận PISA 107

Nguyễn Ngọc Mưu - Nguyễn Thị Hằng Nga - Đỗ Đức Quế - Nguyễn Minh Châu: Xây dựng bài tập đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học trong dạy học Sinh học 11 114

Ngô Thị Hải Yến - Đặng Vũ Khắc - Lương Thị Kim Huệ - Phạm Thị Phương Dung: Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý 10 120

Trương Văn Lương - Nguyễn Văn Thái: Phát triển năng lực tìm hiểu địa lý cho học sinh lớp 12 trung học phổ thông qua dự án nghiên cứu 127

Nguyễn Minh Giang - Nguyễn Khánh Vy - Đoàn Thị Chi - Nguyễn Trúc Khanh - Ngô Thị Huyền Trang - Bùi Thùy Trang: Thiết kế cẩm nang hỗ trợ giáo viên tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Lịch sử và Địa lý lớp 5 133

Nguyễn Phùng Tám - Nguyễn Ngọc Ánh - Đỗ Thị Kim Chi - Trần Bảo Ngân: Câu hỏi dựa trên học liệu trực quan trong đề thi AP môn Lịch sử (Mỹ) và gợi ý vận dụng tại Việt Nam 139

An Biên Thuý - Trần Yến Hoa - Lê Ngọc Ân: Thiết kế kế hoạch dạy học khám phá khoa học chủ đề “Trái Đất và bầu trời” theo hướng tích hợp cho trẻ 3-6 tuổi ở trường mầm non 145

Nguyễn Hữu Hiếu - Bùi Thị Tâm - Bùi Thị Phương Thảo: Dạy học chủ đề STEM “Đèn năng lượng mặt trời ở buôn làng Tây Nguyên” trong môn Khoa học lớp 5 theo tiếp cận dựa vào bối cảnh 152

Đỗ Thị Tố Như - Lê Khắc Quỳnh: Vận dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học chủ đề “Năng lượng và cuộc sống” (Khoa học tự nhiên 6) nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh 159



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

ISSN 2354-0753

Mục lục

Tập 25 (số đặc biệt 9) - 10/2025

Số đặc biệt dành cho Hội thảo khoa học Quốc gia: “PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TRONG GIÁO DỤC”

Nguyễn Thị Thu Huyền - Nguyễn Thị Hằng Nga - Trần Khánh Vân: Dạy học chủ đề “Sinh vật và môi trường” (Khoa học tự nhiên 8) thông qua vấn đề thực tiễn nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh **165**

Trần Châu Thành - Võ Văn Chương: Tích hợp nội dung văn hóa và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận CLIL: Trường hợp sách giáo khoa “Global success” lớp 10 **172**

Phùng Đức Duy - Kiều Phương Thùy: Thiết kế và tổ chức dạy học bài học STEM trong môn Tin học (chủ đề E - Ứng dụng tin học) ở trường trung học cơ sở: Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội **179**

Nguyễn Thị Mỹ Hà: Vai trò Hội đồng trường mầm non công lập trong tự chủ chương trình giáo dục: Thực trạng và đề xuất biện pháp **186**

Trần Thị Thúy Phương - Phạm Thị Kim Thủy: Quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục ở các trường mầm non: Nghiên cứu tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai **192**

Đặng Út Phượng - Đặng Văn Sơn: Giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non: Thực trạng và đề xuất từ nghiên cứu tại phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội **198**

Nguyễn Thị Ngọc Bé - Nguyễn Hoàng Đức Kim: Thực trạng hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo: Nghiên cứu tại một số trường mầm non ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng **205**

Trần Văn Đạt - Đặng Thị Kim Thủy: Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mẫu giáo thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang **211**

Trần Thị Thúy Phương - Nguyễn Thị Kim Yến: Thực trạng quản lý hoạt động xây dựng môi trường giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm” ở các trường mầm non xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai **217**

Nguyễn Thị Thu Huyền: Thực trạng ứng phó với cảm xúc lo lắng của cha mẹ có con rối loạn phổ tự kỉ tại khu vực Đông Nam Bộ **224**

Giang Huyền Chang - Đặng Lộc Thọ: Quản lý dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học ở phường Hà Đông, thành phố Hà Nội: Thực trạng và đề xuất giải pháp **231**

Nguyễn Thị Hiền - Nguyễn Thị Dung: Thực trạng và đề xuất quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học đọc văn bản “Ánh sáng của yêu thương” cho học sinh lớp 2 tại một số trường tiểu học ở thành phố Hải Phòng **238**

Dương Quốc - Nguyễn Thị Quốc Minh: Thực trạng và một số đề xuất phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở công lập tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh **245**

Lê Minh Thi: Vai trò của nhà trường trong phát hiện và hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tại gia đình: Nghiên cứu tại một số trường trung học cơ sở ở tỉnh Bắc Ninh **252**

Trần Thị Yên: Thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông 2018: Nghiên cứu điển hình tại một số trường trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số **258**

Singkhavongsa Venchay - Dư Thống Nhất: Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Chăn Tha Bu Ly, thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào **265**

Phạm Lâm Dũng - Nguyễn Như Bình - Trần Diệu Hoa - Phạm Mạnh Hà: Hành vi sử dụng TikTok của học sinh thế hệ Gen Z tại thành phố Hà Nội **271**

Vũ Thị Quỳnh: Hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội: Thực trạng và giải pháp **276**

Mai Thị Khuyên - Hồ Thu Quyên: Quản lý cơ sở vật chất theo định hướng quản trị đại học thông minh - nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội **282**

Phạm Thị Thanh Thúy - Đỗ Thị Phi Nga: Giao bài tập cho sinh viên không chuyên tiếng Anh theo năng lực và sự tiến bộ của sinh viên qua từng tuần: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội **288**

Nguyễn Hoài Khánh - Nguyễn Bách Thắng: Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy tiếng Nhật không chuyên cho sinh viên tại Trường Đại học FPT và một số đề xuất **294**

Hoàng Anh Sơn - Đặng Mai Ngọc Huyền - Trần Thị Thu Hương: Chất lượng dịch vụ đào tạo từ góc độ sự hài lòng của sinh viên: Một nghiên cứu tổng quan **300**

Trần Thị Xuân Lan: Khám phá trải nghiệm học tập của sinh viên trong bối cảnh tự chủ đại học: Nghiên cứu trường hợp tại một trường đại học công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh **307**

Nguyễn Ngọc Chi Lan - Lữ Quốc Vinh - Đặng Tiến Đăng Khoa - Nguyễn Ngọc Anh Thư - Huỳnh Tiến Vương: Nhận thức về chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ **314**

Nguyễn Thị Tuyết Nga - Vũ Thị Phượng - Nguyễn Phước Bảo Khôi: Hoạt động định hướng nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang: Thực trạng và giải pháp **320**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

ISSN 2354-0753

Mục lục

Tập 25 (số đặc biệt 9) - 10/2025

Số đặc biệt dành cho Hội thảo khoa học Quốc gia: “PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TRONG GIÁO DỤC”

Nguyễn Phú Duy Tiến - Đỗ Thị Ngọc Phượng - Nguyễn Tấn Phát: Phát triển mô hình “Trường trung cấp thông minh” tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Nghiên cứu trường hợp Trường Trung cấp Hồng Hà thành phố Cần Thơ **327**

Trần Văn Khánh - Hoàng Thanh Thuý: Thực trạng giáo dục lòng biết ơn cho thiếu niên Phật tử tại một số địa bàn của thành phố Hà Nội theo tiếp cận trải nghiệm **333**

Đặng Văn Long: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý học viên của cán bộ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay **340**

Trần Hữu Thanh - Trần Đình Hồng - Bùi Hồng Thái: Giáo dục phẩm chất kỉ luật quân sự cho học viên các trường sĩ quan quân đội: Một số vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp **345**

Nguyễn Tiến Đồng - Nguyễn Thị Ngọc Bé: Thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần Quân sự chung tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh - Đại học Huế **351**

Phạm Thị Thơ: Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý trường phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số: Cơ sở lí luận và đề xuất định hướng **358**

Nông Thị Thu Trang: Vận dụng khung năng lực giáo viên mầm non trong xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực **365**

Trần Thị Thơm: Đề xuất khung năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) của giáo viên phổ thông **371**

Lương Thị Thanh Lý - Mỹ Giang Sơn: Tổng quan nghiên cứu và định hướng phát triển năng lực quản trị nhà trường của hiệu trưởng trường tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục **376**

Nguyễn Thị Mỹ Dung - Lương Minh Đức - Mai Kim Tuyền: Đổi mới quản trị đại học gắn với tự chủ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số **381**

Ngô Tuyết Phượng - Nguyễn Quỳnh Như: Thiết kế quy trình dạy học viết đoạn văn cho học sinh lớp 3 thông qua hoạt động trải nghiệm **387**

Nguyễn Thị Hoài Nam - Nguyễn Minh Giám: Xây dựng khung năng lực tự học trong dạy học môn Toán sử dụng AI Chatbot kết hợp trò chơi hóa cho học sinh tiểu học **394**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền: Vận dụng mô hình 5E trong dạy học giải toán bằng phương pháp “Giả thiết tạm” cho học sinh ở tiểu học **400**

Nguyễn Thị Hồng Duyên - Nguyễn Phú Lộc - Nguyễn Thành Luân: Vận dụng mô hình 5E trong dạy học khái niệm “Cấp số cộng” (Toán 11) **405**

Phạm Quốc Trị - Đặng Thị Diệu Hiền: Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học dự án môn Công nghệ lớp 11: Nghiên cứu tại Trường Trung học phổ thông Huỳnh Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh **410**

Nguyễn Nhật Quang - Đoàn Thị Huệ Dung - Bùi Thị Thực Quyên: Thuyết khả thể hành động và mô hình giáo dục ngôn ngữ đa chiều trong thời đại trí tuệ nhân tạo **417**

Nguyễn Thị Thu Huyền - Nguyễn Bá Phu: Thực trạng hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi ở một số trường trung học cơ sở thuộc thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng **424**

Hirano Ayaka - Nguyễn Thị Hồng Yến - Nguyễn Công Nguyên - Cao Thị Phương Thảo: Khắc phục rào cản tâm lí của sinh viên học tiếng Nhật thông qua phương pháp Peer learning: Nghiên cứu tại Trường Đại học Văn Hiến **433**

Lê Đào Ái Quốc - Nguyễn Thị Thảo Vy - Nguyễn Thị Hồng Vân: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn môn thể thao trong học phần “Giáo dục thể chất” của sinh viên thể hệ Z tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh **439**

Vũ Quang Hà - Trần Đình Hồng: Vận dụng quan điểm sư phạm tương tác trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan chính trị hiện nay **445**

Vương Quang Minh - Thái Văn Thành: Thực trạng và kinh nghiệm quản lý hoạt động bồi dưỡng lí luận chính trị ở Trường Chính trị tỉnh Nghệ An **451**

Nguyễn Thị Vân Anh - Nguyễn Ngọc Lân: Phân tích đặc điểm ngôn ngữ của Bộ luật Hình sự Trung Quốc dưới góc độ giảng dạy biên dịch **457**

Nguyễn Thị Thu Hà - Phan Thị Thanh Hội: Xây dựng bài tập tình huống phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong dạy học học phần Sinh lí học trẻ em **464**

TÊN ẤN PHẨM	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021)		
	Ngành Giáo dục học	Ngành Tâm lí học	Liên ngành Triết học - Chính trị học - Xã hội học
Tạp chí Giáo dục (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm
Vietnam Journal of Education (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh 4 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12)	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Tiến Đồng¹,
Nguyễn Thị Ngọc Bé^{2,+}

¹Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh - Đại học Huế;

²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

+Tác giả liên hệ • Email: ntngocbe@hueuni.edu.vn

Article history

Received: 12/12/2024

Accepted: 07/01/2025

Published: 31/10/2025

Keywords

Teaching activities, General

Military course, National

Defense and Security

Education, Hue University

ABSTRACT

Managing the teaching activities of the General Military subject at the center for national defense and security education is a decisive factor in the quality of teaching, helping the organization of teaching activities of the general military subject to meet the objectives and requirements, deploying the quality of the subject's content, meeting the requirements of the national defense and security education program for students. The article analyzes the current situation of managing the teaching activities of the general military subject at the center for national defense and security education of Hue University. The article analyzes the current status of management of general military teaching activities at the National Defense and Security Education Center of Hue University. The survey results show that the center has done a good job of managing the implementation of the goals and content of general military teaching activities. However, the management of the implementation of general military teaching methods and evaluation has the lowest implementation results. The research results will be an important practical basis for proposing measures to improve the effectiveness of management of general military teaching activities at the National Defense and Security Education Center of Hue University.

1. Mở đầu

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) được thực hiện theo Luật GDQP&AN (Quốc hội, 2013); Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH (Bộ Quốc phòng, Bộ GD-ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2015) quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQP&AN; liên kết GDQP&AN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2020) và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Thông tư liên tịch số 18/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH về quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQPAN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học (Bộ Quốc phòng, Bộ GD-ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2015), Chỉ thị số 12-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới (Bộ Chính trị (2007)). Giáo dục quốc phòng là môn học chính khóa trong chương trình giáo dục từ THPT đến đại học và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể... nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về quốc phòng, an ninh; truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân với bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có ý thức cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng; có kỹ năng quân sự sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, trong đó GDQP&AN cho HS, sinh viên (SV) là một nội dung quan trọng. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Bé và Nguyễn Tiến Anh (2021) đánh giá thực trạng thực hiện dạy học học phần Công tác quốc phòng, an ninh tại Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế ở mức độ khá thường xuyên; tuy nhiên một số nội dung và phương pháp chưa đa dạng. Phạm Thanh Tuấn và Hà Trọng Súc (2023) nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường GDQP&AN trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. Tác giả Phạm Đức Lâm và Trần Văn Cường (2023) phân tích sự gắn kết lý luận với thực tiễn trong công tác GDQP&AN. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Xuân (2021) về quản lý hoạt động học tập của SV ở các trung tâm giáo dục quốc phòng

và an ninh trong bối cảnh hiện nay. Điều này cho thấy việc quản lý hoạt động GDQP&AN rất được quan tâm trong ở các trung tâm và trường đại học.

Bài báo phân tích thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần Quân sự chung ở Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế. Việc đánh giá đúng thực trạng sẽ là cơ sở để đề xuất biện pháp nhằm nâng cao công tác quản lý hoạt động dạy học học phần Quân sự chung, góp phần nâng cao chất lượng dạy học học phần Quân sự chung ở trung tâm trong thời gian tới.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về khảo sát

Khách thể khảo sát: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 35 người gồm 6 CBQL là hiệu phó giám đốc, trưởng phòng, phó phòng, trưởng khoa, phó khoa và 29 giảng viên (GgV) tại Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế.

Phương pháp khảo sát: Phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phương pháp phỏng vấn. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5, cụ thể ở mức độ thực hiện: 1 = Không thực hiện; 2 = Hiếm khi; 3 = Thỉnh thoảng; 4 = Khá thường xuyên; 5 = Rất thường xuyên; Đối với kết quả thực hiện: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: 1,00-1,80: Không thực hiện/Kém/Hoàn toàn chưa đáp ứng; 1,81-2,60: Hiếm khi/Yếu/Chưa đáp ứng; 2,61-3,40: Thỉnh thoảng/Trung bình/Đáp ứng ở mức trung bình; 3,41-4,20: Khá thường xuyên/Khá/Đáp ứng khá tốt; 4,21-5,00: Rất thường xuyên/Tốt/Đáp ứng rất tốt. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 25. Các thông số thống kê được sử dụng trong nghiên cứu gồm: điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC).

Thời gian khảo sát: Từ tháng 4 đến tháng 6/2024.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần Quân sự chung ở Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế

2.2.1. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu hoạt động dạy học học phần Quân sự chung

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GgV về thực trạng quản lý mục tiêu dạy học học phần Quân sự chung

TT	Quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động dạy học học phần Quân sự chung	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Triển khai đến GgV những văn bản hướng dẫn về việc xây dựng mục tiêu dạy học.	4,46	0,89
2	Tổ chức việc xây dựng mục tiêu trong chương trình đào tạo.	3,74	1,07
3	Định hướng việc xác định mục tiêu dạy học nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho SV.	3,74	0,74
4	Giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu dạy học.	4,03	0,95
5	Chỉ đạo thực hiện mục tiêu dạy học đã được xây dựng.	3,83	0,95
6	Định kỳ rà soát, kiểm tra và điều chỉnh mục tiêu dạy học cho phù hợp.	3,94	1,00
	ĐTB chung	3,96	0,93

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, việc quản lý thực hiện mục tiêu hoạt động dạy học học phần Quân sự chung được CBQL và GgV đánh giá kết quả thực hiện ở mức khá, với ĐTB chung đạt 3,96. Hai hoạt động “Triển khai đến các GgV những văn bản hướng dẫn về việc xây dựng mục tiêu dạy học” và “Giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu dạy học” có kết quả thực hiện cao nhất. CBQL đã thực hiện tốt việc triển khai các văn bản, hướng dẫn, giám và giám sát quá trình thực hiện mục tiêu dạy học, giúp GgV nắm vững các yêu cầu và quy định trong quá trình giảng dạy. “Định kỳ rà soát, kiểm tra và điều chỉnh mục tiêu dạy học cho phù hợp” cũng có ĐTB tương đối cao, bởi vì công tác rà soát, kiểm tra sẽ điều chỉnh được mục tiêu dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, “Định hướng việc xác định mục tiêu dạy học nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho SV” có kết quả thực hiện thấp nhất, nội dung này cho thấy mặc dù có sự định hướng, nhưng việc thực hiện chưa đạt được hiệu quả cao. Điều này xuất phát từ việc GgV chưa nắm bắt hoặc chưa thực hiện được đúng hướng trong việc phát triển năng lực, phẩm chất, phương pháp cho SV.

2.2.2. Thực trạng quản lý việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch dạy học học phần Quân sự chung của giảng viên

Kết quả khảo sát ở bảng 2 (trang bên) cho thấy, quản lý việc chuẩn bị kế hoạch bài dạy và việc thực hiện hoạt động dạy học học phần Quân sự chung của GgV được đánh giá ở mức Khá và có điểm số gần như tương đương nhau. Trong đó, một số nội dung được đánh giá là có hiệu quả cao hơn cả là “Thực hiện đúng giờ lên lớp của Trung tâm”, “Xử lý việc thực hiện không đúng nội dung bài dạy của GgV” có ĐTB cao nhất, cho thấy việc quản lý chuẩn bị và

thực hiện kế hoạch dạy học học phần Quân sự chung được quản lý, thực hiện khá tốt và đem lại hiệu quả, việc quản lý giờ dạy của GgV được thực hiện rất tốt, tạo ra sự thống nhất và đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy học, giúp GgV hiểu rõ và tuân thủ các yêu cầu đặt ra và xử lý các GgV không thực hiện đúng kế hoạch. Tuy vậy, việc “Đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu, các điều kiện về cơ sở vật chất, thao trường, thời gian cho GgV” và “Bảo đảm thời cho GgV thực hiện giờ lên lớp” được đánh giá hiệu quả thấp nhất, cho thấy hoạt động này cần được quản lý tốt hơn nữa để đảm bảo GgV về cơ sở vật chất bảo đảm sẽ tạo nên hứng thú trong giảng dạy. Chính vì vậy, CBQL cần tăng cường hơn nữa các hoạt động như quản lý cơ sở vật chất và tổ chức bảo đảm thời gian lên lớp nhằm nâng cao chất lượng quản lý và thực hiện kế hoạch bài dạy của GgV.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch dạy học học phần Quân sự chung của giảng viên của GgV

TT	Quản lý việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch dạy học học phần Quân sự chung của GgV	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
I	<i>Quản lý việc chuẩn bị kế hoạch bài dạy của GgV</i>		
1.1	Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình bài dạy	4,20	0,76
1.2	Quy định mẫu, kế hoạch từng loại bài dạy	3,83	0,71
1.3	Hướng dẫn GgV lập kế hoạch bài dạy thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức...	4,11	0,76
1.4	Đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu, các điều kiện về cơ sở vật chất, thao trường, thời gian cho GgV	3,74	0,95
1.5	Chỉ đạo bộ phận chuyên môn tổ chức kiểm tra lập kế hoạch các bài dạy	4,11	0,83
1.6	Thường xuyên kiểm tra việc chuẩn bị kế hoạch bài dạy của GgV.	3,83	0,86
	ĐTB chung	3,97	0,81
II	<i>Quản lý việc thực hiện kế hoạch bài dạy của GgV</i>		
2.1	Bảo đảm thời cho GgV thực hiện giờ lên lớp	3,66	0,94
2.2	Sử dụng kế hoạch bài dạy để quản lý giờ dạy của GgV	4,11	0,47
2.3	Sẵn sàng bổ sung thay thế khi có GgV vắng mặt	4,14	0,6
2.4	Thực hiện đúng giờ lên lớp của Trung tâm	4,29	0,57
2.5	Tổ chức dự giờ và phân tích giờ dạy của GgV	4,11	0,63
2.6	Xử lý việc thực hiện không đúng nội dung bài dạy của GgV	4,23	0,49
	ĐTB chung	4,09	0,62

2.2.3. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung hoạt động dạy học học phần Quân sự chung

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc thực hiện nội dung dạy học học phần Quân sự chung

TT	Quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động dạy học học phần Quân sự chung	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng nội dung, chương trình học phần Quân sự chung tại Trung tâm	3,83	0,82
2	Quản triệt GgV thực hiện các nội dung trong chương trình học phần Quân sự chung	3,66	0,80
3	Dự giờ và góp ý về nội dung học phần Quân sự chung	4,00	1,06
4	Tổ chức cho GgV trao đổi về nội dung học phần Quân sự chung	3,57	1,07
5	Khuyến khích GgV cập nhật kiến thức mới vào nội dung dạy học học phần Quân sự chung	4,00	0,94
6	Theo dõi việc thực hiện nội dung, chương trình để có biện pháp xử lý đối với GgV không thực hiện nội dung, chương trình học phần theo quy định	3,91	0,85
7	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung, chương trình của GgV thông qua giáo án, dự giờ, kiểm tra nền nếp dạy học học phần Quân sự chung	3,69	0,80
	ĐTB chung	3,81	0,90

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, việc quản lý thực hiện nội dung hoạt động dạy học học phần Quân sự chung được CBQL và GgV đánh giá kết quả thực hiện ở mức khá thường xuyên, với ĐTB chung đạt 3,81. Trong đó “Khuyến khích GgV cập nhật kiến thức mới vào nội dung dạy học học phần Quân sự chung” với nội dung “Dự giờ

và góp ý về nội dung học phần Quân sự chung” có kết quả thực hiện cao nhất. CBQL đã thực hiện tốt việc cập nhật các kiến thức mới về quốc phòng, an ninh trong công tác giảng dạy, tổ chuyên môn đã tổ chức dự giờ nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, “Tổ chức cho GgV trao đổi về nội dung học phần Quân sự chung” có ĐTB thấp nhất đã phản ánh lên công tác kiểm tra của CBQL về tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm đảm bảo trong công tác. Kết quả phỏng vấn 1 GgV cũng khá tương đồng với kết quả khảo sát từ điều tra: “*Ban Giám đốc cần thực hiện khá thường xuyên hơn việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung, chương trình của GgV qua giáo án, dự giờ, kiểm tra nền nếp dạy, học học phần Quân sự chung ở Trung tâm*”. Chính vì vậy, CBQL cần chú trọng các buổi sinh hoạt chuyên đề để các GgV trao đổi, thảo luận các vấn đề trong dạy học đã đề ra.

2.2.4. Thực trạng quản lý việc thực hiện hình thức tổ chức dạy học học phần Quân sự chung

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc thực hiện hình thức tổ chức dạy học học phần Quân sự chung

TT	Quản lý việc thực hiện hình thức dạy học học phần Quân sự chung	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo GgV lựa chọn hình dạy học phù hợp với nội dung.	3,86	0,77
2	Chỉ đạo GgV phối hợp linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung.	4,06	0,77
3	Chỉ đạo bồi dưỡng cho GgV các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung phù hợp với nội dung, phương pháp, khả năng tiếp nhận của SV.	3,94	0,77
4	Khuyến khích GgV đổi mới hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung để tạo sự hấp dẫn, hứng thú trong học tập của SV.	3,97	0,82
5	Giám sát việc thực hiện các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung của GgV.	3,74	0,61
6	Tổ chức khảo sát, đánh giá hiệu quả của các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung để điều chỉnh cho phù hợp.	3,89	0,96
ĐTB chung		3,91	0,78

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, quản lý việc thực hiện hình thức dạy học học phần Quân sự chung được đánh giá ở mức Khá. Trong đó, nội dung “Chỉ đạo GgV phối hợp linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung” có kết quả cao nhất ở mức khá, cho thấy hiệu quả tổng hợp tốt các phương pháp dạy học. Tiếp đến là “Khuyến khích GgV đổi mới hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung để tạo sự hấp dẫn, hứng thú trong học tập của SV”. Có thể thấy, việc đổi mới hình thức dạy học đã được nhà trường khuyến khích và mang lại hiệu quả, việc theo dõi sát sao và quản lý chặt chẽ thực hiện hình thức dạy học học phần Quân sự Chung đã giúp nâng cao chất lượng dạy học môn học. Tuy nhiên, “Giám sát việc thực hiện các hình thức tổ chức hoạt động dạy học học phần Quân sự chung của GgV” được đánh giá có hiệu quả thấp nhất, do đó công tác này cần được kiểm tra thường xuyên hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

2.2.5. Thực trạng quản lý việc thực hiện phương pháp dạy học học phần Quân sự chung

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc thực hiện phương pháp dạy học học phần Quân sự chung

TT	Quản lý việc thực hiện phương pháp dạy học học phần Quân sự chung	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Yêu cầu và tạo mọi điều kiện cho các GgV tham gia các lớp bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung do Bộ GD-ĐT, Bộ Quốc Phòng và Đại học Huế tổ chức.	3,91	0,74
2	Tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất để kiểm tra và đánh giá việc đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung của GgV trong giờ dạy.	3,91	0,70
3	Chỉ đạo bộ môn tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung, tự làm đồ dùng dạy học.	3,57	0,70
4	Chỉ đạo bộ phận chuyên môn dự giờ tiết dạy học học phần Quân sự chung theo hướng đổi mới phương pháp dạy học.	4,20	0,93
5	Tổ chức họp bộ phận chuyên môn để rút kinh nghiệm, đánh giá sau dự giờ về đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung.	4,09	0,98

6	Sử dụng kết quả thực hiện đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung, tự làm đồ dùng dạy học để đánh giá, xếp loại thi đua GgV.	3,80	0,93
7	Chỉ đạo bộ môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tập huấn thống nhất phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng SV.	3,89	0,99
ĐTB chung		3.91	0.85

Qua kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, hoạt động quản lý phương pháp dạy học có ĐTB chung khá thấp so với kết quả ở các bảng khảo sát khác, tuy nhiên ĐTB vẫn đạt mức Khá với những điểm số khá thấp trong thang bậc Khá. Kết quả này cho thấy, kết quả quản lý việc thực hiện phương pháp dạy học học phần Quân sự chung trên thực tế chưa đạt được như mong đợi. Hoạt động 4 “Chỉ đạo bộ phận chuyên môn dự giờ tiết dạy học học phần Quân sự chung theo hướng đổi mới phương pháp dạy học” có kết quả thực hiện cao nhất, phản ánh rằng tổ chức dự giờ, rút kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy sau dự giờ đã đem lại hiệu quả nhất định. Bên cạnh đó, hoạt động 5 “Tổ chức họp bộ phận chuyên môn để rút kinh nghiệm, đánh giá sau dự giờ về đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung” được đánh giá cao thứ hai, cho thấy với việc rút kinh nghiệm trong quản lý, kiểm tra để điều chỉnh nâng cao chất lượng giáo dục. Ngược lại, việc “Chỉ đạo bộ môn tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học học phần Quân sự chung, tự làm đồ dùng dạy học” có kết quả thực hiện thấp nhất, cho thấy việc đánh giá hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học chưa đạt được kết quả cao, có thể do phương pháp đánh giá chưa đầy đủ hoặc chưa được thực hiện hiệu quả, chính vì vậy đòi hỏi cần có sự điều chỉnh và hỗ trợ nhiều hơn từ các phòng, khoa.

2.2.6. Thực trạng quản lý việc thực hiện hoạt động học tập học phần Quân sự chung của sinh viên

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc thực hiện hoạt động học tập học phần Quân sự chung của SV

TT	Quản lý việc thực hiện hoạt động học tập học phần Quân sự chung của SV	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
I	<i>Quản lý việc thực hiện hoạt động học trên lớp của SV</i>		
1.1	Tổ chức cho SV học tập nội quy, quy chế rèn luyện của trung tâm.	3,66	0,94
1.2	Xây dựng và phát động các phong trào thi đua học tập giữa các tiểu đội, trung đội.	3,66	0,94
1.3	Chỉ đạo GgV quán triệt các nội dung hoạt động ý thức động cơ và thái độ học tập cho SV.	4,09	0,95
1.4	Chỉ đạo việc theo dõi tình hình học tập và mức độ tiến bộ của SV trong suốt quá trình học tập tại trung tâm.	3,94	0,87
1.5	Chỉ đạo thực hiện bồi dưỡng nâng cao năng lực và phương pháp học tập của SV ở các trung đội.	3,97	0,92
1.6	Chỉ đạo GgV thực hiện vai trò, nhiệm vụ trong đánh giá ý thức học tập, kết quả học tập, rèn luyện của SV.	3,89	0,96
1.7	Nắm bắt tình hình tư tưởng, thông tin, ý kiến phản hồi của SV về thuận lợi, khó khăn, về chất lượng dạy học để giải quyết kịp thời các yêu cầu, bức xúc của SV.	4,03	0,89
	ĐTB chung	3,89	0,93
II	<i>Quản lý việc thực hiện nền nếp trong học tập của SV</i>		
2.1	Xây dựng và yêu cầu SV thực hiện các nội quy nề nếp học tập của Trung tâm.	4,23	0,81
2.2	Chỉ đạo GgV chủ nhiệm xây dựng nội quy của lớp.	4,03	0,75
2.3	Chỉ đạo GgV phụ trách thi đua theo dõi và kiểm tra thường xuyên nền nếp học tập của SV.	4,14	0,73
2.4	Chỉ đạo công tác phối hợp giữa Trung tâm và các trường Đại học để quản lý nền nếp học tập của SV.	4,03	0,79
2.5	Thực hiện khen thưởng, hoặc xử lý sai phạm kịp thời đối với SV trong việc thực hiện nền nếp học tập.	4,23	0,94
	ĐTB chung	4,13	0,8
III	<i>Quản lý việc thực hiện hoạt động tự học của SV</i>		
3.1	Xây dựng quy định về nền nếp tự học của SV trong giờ ôn luyện.	4,20	0,72
3.2	Chỉ đạo GgV hướng dẫn SV xây dựng thời gian biểu tự học vào các buổi tối.	3,89	0,72

3.3	Chỉ đạo GgV giám sát nền nếp tự học của SV ở đơn vị.	4,00	0,64
3.4	Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện, sách tham khảo cho SV nghiên cứu, tự học.	3,60	0,70
3.5	Trung tâm phối hợp với GgV và phụ huynh để quản lý hoạt động tự học của SV.	4,03	0,62
ĐTB chung		3,94	0,68

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy, quản lý việc thực hiện hoạt động học học phần Quân sự chung của SV được đánh giá ở mức Khá ở cả ba nội dung lớn. Trong đó, nổi bật nhất là “Xây dựng và yêu cầu SV thực hiện các nội quy nền nếp học tập của Trung tâm”, “Thực hiện khen thưởng, hoặc xử lý sai phạm kịp thời đối với SV trong việc thực hiện nền nếp học tập” có số điểm cao nhất. Đây là một yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng dạy và học học phần Quân sự chung đạt hiệu quả. Tuy nhiên, “Tổ chức cho SV học tập nội quy, quy chế rèn luyện của trung tâm”, “Xây dựng và phát động các phong trào thi đua học tập giữa các tiểu đội, trung đội” và “Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện, sách tham khảo cho SV nghiên cứu, tự học” được đánh giá mức độ hiệu quả thấp nhất, cho thấy CBQL chưa đưa ra được các biện pháp học tập phù hợp, cơ sở vật chất đang còn thiếu, việc phối hợp này chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Kết quả phỏng vấn 1 CBQL Trung tâm chia sẻ: “*Ban Giám đốc đã chỉ đạo tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định, nề nếp học tập của SV thường xuyên; chỉ đạo GgV, CBQL khung thường xuyên theo dõi, ghi nhận tình hình học tập của SV để kịp thời nhắc nhở chưa thực hiện tốt nội quy học tập, rèn luyện những SV có tình vi phạm nhiều lần và khen thưởng những SV thực hiện tốt nội quy nền nếp học tập*”. Chính vì vậy cần tăng cường tạo điều kiện cơ sở vật chất để quản lý nền nếp học tập và tự học, cũng như có quy định về thưởng phạt rõ ràng để khích lệ SV thực hiện tốt nền nếp học tập môn học.

2.2.7. Thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần Quân sự chung của sinh viên

Bảng 7. Đánh giá của CBQL, GgV về quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần Quân sự chung của SV

TT	Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần Quân sự chung của SV	Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Phổ biến phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học học phần Quân sự chung	4,00	0,64
2	Tập huấn cách kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học học phần Quân sự chung	3,91	0,78
3	Chỉ đạo GgV thực hiện đúng quy chế kiểm tra và công nhận kết quả học tập của SV	4,09	0,56
4	Tổ chức giám sát kiểm tra, chấm bài của GgV ở học phần Quân sự chung	3,86	0,65
5	Xử lý nghiêm trường hợp cán bộ, GgV vi phạm quy chế trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả học tập của SV.	3,89	0,83
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập SV.	3,74	0,74
ĐTB chung		3,92	0,70

Kết quả khảo sát trong bảng 7 cho thấy, quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần Quân sự chung của SV đạt mức Khá, trong đó, việc “Chỉ đạo GgV thực hiện đúng quy chế kiểm tra và công nhận kết quả học tập của SV” được đánh giá cao nhất, điểm số cho thấy sự chênh lệch khá rõ nét so với hiệu quả của các nội dung khác trong bảng, cho thấy GgV đã tuân thủ nghiêm ngặt quy chế kiểm tra, góp phần đảm bảo tính công bằng và chính xác trong việc đánh giá kết quả học tập của SV. Ngược lại, “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập SV” có kết quả thực hiện thấp, điều này cho thấy việc giám sát và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập vẫn còn những khó khăn, đặc biệt trong việc đảm bảo chất lượng và minh bạch, chính vì vậy hoạt động này vẫn cần tiếp tục cải thiện, đặc biệt nâng cao hiệu quả giám sát và ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa quy trình kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần Quân sự chung ở Trung tâm GDQP&AN-Đại học Huế được CBQL và GgV đánh giá ở mức Khá. Trong đó, có 5 nội dung đạt hiệu cao nhất, điểm số các nội dung khác khá tương đồng, đó là quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động dạy học, quản lý việc thực hiện hoạt động dạy học học phần Quân sự chung của GgV và quản lý việc thực hiện hình thức dạy học môn học này. Điểm yếu thuộc về 3 nội dung: quản lý việc thực hiện phương pháp dạy học học phần Quân sự chung và quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần Quân sự chung của SV. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học học

phần Quân sự chung ở trung tâm Ban giám đốc cần chú trọng tổ chức nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của học phần đối với GgV, SV và cán bộ; chỉ đạo xây dựng nội dung, kế hoạch dạy học học phần Quân sự chung theo hướng phát triển năng lực SV; chỉ đạo đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học học phần Quân sự chung; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học học phần Quân sự chung cho đội ngũ GgV; tăng cường quản lý hoạt động học của SV; Tổ chức đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Việc thực hiện các biện pháp này cần khoa học, có tính hệ thống, linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế của các trường để mang lại hiệu quả và góp phần nâng cao hiệu quả dạy học học phần Quân sự chung ở Trung tâm.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị (2007). *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/5/2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới*.
- Bộ GD-ĐT (2020). *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*
- Bộ GD-ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học*.
- Bộ Quốc phòng, Bộ GD-ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học*.
- Nguyễn Thị Ngọc Bé, Nguyễn Tiến Anh (2021). Thực trạng dạy học học phần “Công tác Quốc phòng và An ninh” ở Trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh, Đại học Huế. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 1*, 100-105.
- Nguyễn Thị Xuân (2021). Quản lý hoạt động học tập của sinh viên ở các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục*, 02(30), 97-101.
- Phạm Đức Lâm, Trần Văn Cường (2023). Gắn kết lý luận với thực tiễn trong công tác giáo dục quốc phòng, an ninh. *Tạp chí Giáo dục*, 23(số đặc biệt 2), 36-40.
- Phạm Thanh Tuấn, Hà Trọng Sứ (2023). Thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 23(số đặc biệt 2), 143-147.
- Quốc hội (2013). *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*. Luật số 30/2013/QH13, ban hành ngày 19/6/2013.